

**BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH (PARINDEX) 2021**  
(Kèm theo Công văn số          /SNV-CCHC&VTLT ngày          /6/2022 của Sở Nội vụ)

TT	Chỉ số chung, Lĩnh vực	KẾT QUẢ										TĂNG (+)/ GIẢM (-) SO VỚI NĂM 2020	Kết quả sau phân tích	Nội dung bị trừ điểm hoặc không đạt điểm tối đa	Đơn vị chủ trì giải trình, đề xuất giải pháp	
		Năm 2020					Năm 2021									
		Điểm tối đa	Điểm đạt được	Tỷ lệ % điểm đạt được so với điểm tối đa	Tỷ lệ % trung bình chung cả nước	Thứ hạng so với 63 tỉnh, thành phố trong cả nước	Điểm tối đa	Điểm đạt được	Tỷ lệ % điểm đạt được so với điểm tối đa	Tỷ lệ % trung bình chung cả nước	Thứ hạng so với 63 tỉnh, thành phố trong cả nước					Điểm
I	Chỉ số CCHC chung	100	85.31	85.31	83.72	16	100	88.61	88.61	86.37	8	3.30	8	Tăng 3,3 điểm; tăng 8 bậc		
II	Các lĩnh vực CCHC															
1	Chỉ đạo điều hành CCHC	8.5	7.17	84.35	89.71	51	8.5	7.9	92.94	92.34	36	0.73	15	Tăng 0,73 điểm; tăng 15 bậc	- Tiêu chí 1.2 bị trừ 0,5 điểm do Báo cáo CCHC ban hành không đúng thẩm quyền theo hướng dẫn của BNV; - Tiêu chí 1.6 bị trừ 0,1 điểm vì theo BC số 71/BC-VPCP ngày 04/01/2022 của VPCP: Địa phương được giao 60 nhiệm vụ; có 54 nhiệm vụ hoàn thành đúng hạn; 3 nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng quá hạn; 3 nhiệm vụ quá hạn nhưng chưa hoàn thành (Tổng số nhiệm vụ được giao không tính các nhiệm vụ chưa hoàn thành nhưng trong hạn).	- Sở Nội vụ (từ tiêu chí 1.1 đến 1.3) - Sở Thông tin và TT (tiêu chí 1.4) - Các sở ngành phụ trách CCHC của tỉnh (tiêu chí 1.5) - Văn phòng UBND tỉnh (tiêu chí 1.6)
2	Cải cách thể chế	10	8.7	87.00	87.82	20	10	8.93	89.30	89.14	28	0.23	-8	Tăng 0,23 điểm; giảm 8 bậc	Tiêu chí 2.4 (Khảo sát Lãnh đạo, quản lý thông qua điều tra XHH) không đạt điểm tối đa (trừ 1,07 điểm)	Sở Tư pháp
3	Cải cách thủ tục hành chính	13.5	13.27	98.30	94.11	25	13.5	12.75	94.44	95.15	56	-0.52	-31	Giảm 0,52 điểm; giảm 31 bậc	- Tiêu chí 3.2.5 bị trừ 0,75 điểm do kiểm tra trực tiếp ngày 5/4/2022: Công khai TTHC không thường xuyên, chưa đầy đủ, chưa kịp thời. Một số TTHC vẫn còn dẫn chiếu đến các quy định TTHC, mẫu đơn, tờ khai đã hết hiệu lực thi hành, gây khó khăn cho người dân, tổ chức khi tra cứu, thực hiện TTHC. Ví dụ: Sở NNPTNT: Một số TTHC lĩnh vực lâm nghiệp vẫn công khai, dẫn chiếu các quy định, mẫu đơn, tờ khai hết hiệu lực. TTHC Công nhân nguồn giống cây trồng lâm nghiệp, dẫn chiếu quy định tại TT 30/2018/TT-BNNPTNT đã hết hiệu lực toàn bộ (đã thay thế bởi TT 22/2021/TT-BNNPTNT); Sở TNMT: Một số TTHC lĩnh vực môi trường chưa được cập nhật các quy định, TTHC mới; vẫn công khai các TTHC lĩnh vực môi trường đã bị bãi bỏ như TTHC: Vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải theo quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) của dự án. Ngoài ra còn nhiều TTHC lĩnh vực môi trường chưa cập nhật, vẫn dẫn chiếu đến các quy định hết hiệu lực (Bộ TNMT đã công bố tại QĐ 87/QĐ-BTNMT ngày 14/1/2022, đến nay đã 3 tháng tính chưa cập nhật). Đối với cấp huyện: Lĩnh vực môi trường không cập nhật quy định TTHC mới, vẫn công khai, dẫn chiếu đến các căn cứ đã hết hiệu lực, hoặc đã được sửa đổi bổ sung (Bộ TNMT đã công bố tại QĐ 87/QĐ-BTNMT ngày 14/1/2022, đến nay đã 3 tháng tính chưa cập nhật). - Từ tiêu chí 3.4.1 đến 3.4.3 không đạt điểm tối đa (trừ 0,0031 điểm) do tỷ lệ giải quyết TTHC chưa đảm bảo đúng hạn 100%	Văn phòng UBND tỉnh
4	Cải cách tổ chức bộ máy	11.5	10.01	87.04	84.41	26	11.5	10.15	88.26	86.28	27	0.14	-1	Tăng 0,14 điểm; giảm 1 bậc	Tiêu chí 4.4 (Khảo sát Lãnh đạo, quản lý thông qua điều tra XHH) không đạt điểm tối đa trừ 1,35 điểm	Sở Nội vụ

TT	Chỉ số chung, Lĩnh vực	KẾT QUẢ										TĂNG (+)/ GIẢM (-) SO VỚI NĂM 2020		Kết quả sau phân tích	Nội dung bị trừ điểm hoặc không đạt điểm tối đa	Đơn vị chủ trì giải trình, đề xuất giải pháp
		Năm 2020					Năm 2021					Điểm	Thứ hạng (/63 tỉnh TP)			
		Điểm tối đa	Điểm đạt được	Tỷ lệ % điểm đạt được so với điểm tối đa	Tỷ lệ trung bình chung cả nước	Thứ hạng so với 63 tỉnh, thành phố trong cả nước	Điểm tối đa	Điểm đạt được	Tỷ lệ % điểm đạt được so với điểm tối đa	Tỷ lệ trung bình chung cả nước	Thứ hạng so với 63 tỉnh, thành phố trong cả nước					
5	Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ CBCCVN	13.5	11.86	87.85	85.10	23	13.5	11.47	84.96	85.32	35	-0.39	-12	Giảm 0,39 điểm; giảm 12 bậc	- Tiêu chí 5.1.3 bị trừ 0,5 điểm do Năm 2021 qua thanh tra cho thấy: Một số đơn vị thuộc sở TNMT chưa phê duyệt vị trí việc làm. Mặc dù sau thanh tra, đến nay các đơn vị đã khắc phục nhưng sai phạm xảy ra trong thời gian dài từ trước năm đánh giá cho đến tháng 10/2021 mới khắc phục xong. Do vậy chưa đủ điều kiện cho điểm tối đa tiêu chí này. Việc khắc phục các tồn tại, hạn chế trên có thể hiện yếu tố tích cực và đã được ghi nhận cho điểm tại tiêu chí 4.3.3. - Tiêu chí 5.5.2 không đạt điểm tối đa (trừ 0,25 điểm) do có trong năm có lãnh đạo cấp phòng thuộc CQCM cấp tỉnh, UBND cấp huyện và tương đương bị kỷ luật từ mức khiển trách trở lên - Tiêu chí 5.8 (Khảo sát Lãnh đạo, quản lý thông qua điều tra XHH) không đạt điểm tối đa (trừ 0,36 điểm) - Tiêu chí 5.9 (Khảo sát Lãnh đạo, quản lý thông qua điều tra XHH) không đạt điểm tối đa (trừ 0,92 điểm)	Sở Nội vụ
6	Cải cách tài chính công	12	9.72	81.00	78.34	27	12	10.78	89.83	81.63	7	1.06	20	Tăng 1,06 điểm; tăng 20 bậc	- Tiêu chí 6.1.1 không đạt điểm tối đa (trừ 0,0538 điểm) do thực hiện giải ngân kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước hàng năm đạt 94,17% - Tiêu chí 6.1.3 không đạt điểm tối đa (trừ 0,0019 điểm) do tổ chức thực hiện các kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về tài chính, ngân sách đạt 99,8069% - Tiêu chí 6.3.1 không đạt điểm tối đa (trừ 0,25 điểm) do trong kỳ có 01 đơn vị ( Bệnh viện Mắt ) từ tự đảm bảo một phần lên tự đảm bảo chi thường xuyên - Tiêu chí 6.4 (Khảo sát Lãnh đạo, quản lý thông qua điều tra XHH) không đạt điểm tối đa (trừ 0,91 điểm)	Sở Tài chính
7	Hiện đại hóa hành chính	15	12.66	84.4	85.15	38	15	13.81	92.07	89.19	17	1.15	21	Tăng 1,15 điểm; tăng 21 bậc	- Tiêu chí 7.1.9 không đạt điểm tối đa (trừ 0,2279 điểm) do tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và 4 của tỉnh được tích hợp, cung cấp trên Cổng DVC quốc gia đạt tỷ lệ 77,2117961% - Tiêu chí 7.2.1 bị trừ 0,1783 điểm do: Giải trình của tỉnh chưa được Văn phòng Chính phủ chấp thuận. Số TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3, 4 có phát sinh hồ sơ: 360. Tổng số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3, 4, theo BC DTI 2021: 1119 dịch vụ. Đề nghị tỉnh giải trình 609 TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3, 4, => 360 / 1119 = 32.17% (được 0,3217 điểm). - Tiêu chí 7.5 (Khảo sát Lãnh đạo, quản lý thông qua điều tra XHH) không đạt điểm tối đa (trừ 0,78 điểm)	Văn phòng UBND tỉnh (tiêu chí 7.1.9 và 7.2.1) Sở Thông tin và Truyền thông (tiêu chí 7.5)
8	Tác động CCHC đến người dân, tổ chức và phát triển kinh tế - xã hội tỉnh	16	11.92	74.5	89.74	21	16	12.82	80.13	75.92	20	0.90	1	Tăng 0,9 điểm; tăng 1 bậc		
8.1	SIPAS	10	8.92	89.20		11	10	9.12	91.20		5	0.20	6	Tăng 0,2 điểm; tăng 6 bậc		Văn phòng UBND tỉnh
8.2	Mức độ thu hút đầu tư của tỉnh	1	1			không xếp thứ hạng	1	1			không xếp thứ hạng	0.00		Đạt điểm tối đa		Sở Kế hoạch và Đầu tư
8.3	Mức độ phát triển doanh nghiệp của tỉnh	2	1				2	0.7				-0.30		Giảm 0,3 điểm	Các tiêu chí 8.3.1; 8.3.2 chưa đạt điểm tối đa (trừ 0,3 điểm)	
8.3.1	Tỷ lệ doanh nghiệp thành lập mới trong năm	1	0				1	0.7				0.70		Tăng 0,7 điểm		Sở Kế hoạch và Đầu tư
8.3.2	Tỷ lệ đóng góp vào thu ngân sách tỉnh của khu vực doanh nghiệp	1	1				1	0				-1.00		Giảm 1 điểm	Tiêu chí 8.3.2 không được điểm nào	Cục thuế tỉnh
8.4	Thực hiện thu ngân sách hàng năm của tỉnh theo Kế hoạch được Chính phủ giao	1	1			không xếp thứ hạng	1	1			không xếp thứ hạng	0.00		Đạt điểm tối đa		Cục thuế tỉnh
8.5	Tỷ lệ tăng tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP)	1	0				1	1				1.00		Tăng 1 điểm		Sở Kế hoạch và Đầu tư
8.6	Mức độ thực hiện các chỉ tiêu phát triển KT-XH do HĐND tỉnh giao	1	0				1	0				0.00		Không đạt điểm	Tiêu chí này không đạt được điểm do: Năm 2021, 9/17 chỉ tiêu đạt và vượt kế hoạch HĐND giao, đạt 52,9412%: đánh giá 0 điểm	Sở Kế hoạch và Đầu tư